

Học tiếng Hán bắt đầu từ việc lý giải ý nghĩa văn hoá của những lời chào thông dụng nhất

Phó Thị Mai*

*Trung tâm Nghiên cứu giáo dục ngoại ngữ và Kiểm định chất lượng, Trường Đại học Ngoại ngữ,
Đại học Quốc gia Hà Nội, Đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 26 tháng 5 năm 2009

Tóm tắt. Học ngoại ngữ là quá trình tiếp thu một ngôn ngữ thứ hai trên nền tảng hoàn thiện của tư duy ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ, cội nguồn văn hóa cùng với các đặc điểm tâm lý, nhân sinh quan và quan niệm giá trị riêng mang tính dân tộc ở người học. Trong quá trình đó, kiến thức về văn hóa của dân tộc bản ngữ với những hàm ý sâu sắc chứa đựng trong ngôn ngữ đóng vai trò rất quan trọng, giúp người học lý giải, thể nghiệm và sử dụng một cách tự nhiên và sinh động ngoại ngữ được học như một công cụ giao tiếp. Từ góc độ khởi nguồn lịch sử, trên cơ sở cứ liệu là ngôn ngữ chào hỏi, chính xác hơn là từ những lời chào thông dụng nhất của tiếng Hán, bài viết khai thác và giới thiệu một số nội dung chính:

- Đặc trưng văn hóa và quan niệm giá trị Nho gia thể hiện qua ngôn ngữ xưng hô trong lời chào của tiếng Hán.
- Nguồn gốc lịch sử và tư duy văn hóa của dân tộc Trung Hoa phản ánh qua hai lời chào thông dụng nhất “Anh/chị có khỏe không?” và “Đã ăn chưa?”.
- Tương quan văn hóa Việt - Hoa và học tiếng Hán bắt đầu từ những câu chào đơn giản của người học Việt Nam.

Từ khóa: Lời chào, đặc trưng văn hóa, văn hóa chào hỏi, giao thoa văn hóa.

1. Đặt vấn đề

Trong quan hệ tiếp xúc giữa con người với con người, ở bất kỳ nơi nào, với tập quán giao tiếp của bất cứ dân tộc nào thì nghi thức giao tiếp đầu tiên bao giờ cũng bắt đầu bằng lời chào. Đó là những khuôn mẫu lời nói nhất định, để biểu thị tình cảm thân thiện, thái độ lịch thiệp và tôn trọng lẫn nhau, hoặc để thiết lập, củng cố và duy trì sự tiếp xúc theo chiều hướng tốt đẹp, dễ chịu, đạt hiệu quả giao tiếp mong muốn. Lời chào ở mọi nơi, mọi lúc đều được

đặc biệt coi trọng bởi nó quyết định chiều hướng thành công hay tan vỡ, gián đoạn của tất cả các cuộc tiếp xúc.

Nội hàm ý nghĩa của lời chào mang tính phổ quát đối với tất cả mọi tộc người với mọi ngôn ngữ. Tuy nhiên, ý nghĩa phổ quát của lời chào lại được thể hiện ra dưới các hình thức ngôn ngữ không giống nhau, thậm chí hoàn toàn khác nhau. Mỗi dân tộc, mỗi quốc gia khác nhau có bối cảnh văn hoá, khởi nguồn lịch sử và và khu vực cư trú khác nhau nên tất yếu có sự khác biệt rõ rệt về tập quán sinh hoạt và giao tiếp, về phương thức chào hỏi và hình thức lời chào, đó là sự khác biệt về văn hóa.

* ĐT: 84-4-37547924.

E-mail: hoapt@hotmail.com



Với người Việt Nam học tiếng Hán, sự hiểu biết thấu đáo về tầng sâu văn hóa hàm chứa trong những lời chào thông dụng nhất chắc chắn giúp cho người học tâm đắc được sâu sắc hơn phần “ý tại ngôn ngoại” với sắc thái tình cảm riêng của các lời chào để có thể sử dụng được chúng một cách đắc dụng nhất, sống động và “có hồn” nhất.

Từ góc độ khởi nguồn lịch sử, bài viết này sẽ khai thác và giới thiệu thêm ý nghĩa và đặc trưng văn hóa lịch sử của lời chào trong tiếng Hán, đặt chúng vào mối tương quan với tiếng Việt và văn hóa Việt - bối cảnh văn hóa chi phối tư duy, ý thức của người học Việt Nam trong toàn bộ quá trình học tiếng Hán.

2. Đặc trưng văn hoá của lời chào trong tiếng Hán

2.1. Lời chào - nhân tố xúc tác khởi động tiếp xúc phản ánh nét đặc thù văn hóa dân tộc

Như trong tất cả mọi ngôn ngữ, lời chào trong tiếng Hán có chức năng chuyên biệt của nó so với các kiểu loại lời nói khác. Nét chính yếu nhất trong chức năng của lời chào là “khởi động và định hướng giao tiếp”. Tuy nhiên, *khởi động* như thế nào và *định hướng* ra sao để hoàn thành được sứ mệnh của lời chào thì trong mỗi ngôn ngữ có cách thức thể hiện khác nhau. Sự khác nhau đó bắt nguồn từ cội rễ sâu xa là *văn hóa dân tộc*.

Bản thân lời chào là đơn vị lời nói - hình thức biểu hiện của ngôn ngữ, mà ngôn ngữ là phương tiện chuyển tải và phản ánh văn hóa. Do vậy, lời chào trong mọi ngôn ngữ nói chung và trong tiếng Hán nói riêng tất yếu là mặt gương phản chiếu, phản ánh đặc trưng văn hóa của dân tộc Hán, hay nói một cách sát thực hơn, phản ánh *văn hóa chào hỏi* của Trung Quốc. Chào hỏi là khi con người thể hiện *năng lực giao tiếp văn hóa* của bản thân mình. Năng lực đó được hình thành và phát triển trên nền tảng của bối cảnh văn hóa dân tộc, là đặc điểm tâm lý và tính cách dân tộc... Giữa các bên tham gia

giao tiếp, nếu có cùng một “phông văn hóa dân tộc” thì không có sự xung đột về văn hóa, chỉ có sự khác nhau về năng lực giao tiếp văn hóa cao hay thấp mà thôi [1]. Người Việt Nam có câu “*Nói ngọt lọt đến xương*”. Khi cuộc giao tiếp được khởi động bằng một lời “nói ngọt” - một lời chào lịch sự, đúng thể thức thì chức năng khởi động, định hướng của lời chào đó lập tức phát huy được tác dụng tối đa, còn ngược lại thì sẽ là một kết cục phản tác dụng. Nếu giữa các bên tham gia giao tiếp khác nhau về bối cảnh văn hóa dân tộc thì quá trình giao tiếp được gọi là *giao tiếp xuyên văn hóa*. Quá trình giao tiếp này luôn luôn tồn tại đồng thời hiện tượng *giao thoa văn hóa* và hiện tượng *xung đột văn hóa*. Sự thông hiểu lẫn nhau về văn hóa giao tiếp giữa các bên càng nhiều bao nhiêu thì xung đột văn hóa càng giảm nhẹ bấy nhiêu [2].

Với tất cả người học tiếng Hán như một ngoại ngữ, muốn vượt qua được trở ngại về ngôn ngữ để giao tiếp tự nhiên được với người Hoa, thì điều kiện trước tiên và tối thiểu là phải biết chào hỏi đúng thể thức, phù hợp với tập quán giao tiếp của dân tộc Trung Hoa. Điều đó đòi hỏi người sử dụng ngôn ngữ, trước một tình huống tiếp xúc cụ thể, đồng thời với việc biết phải nói gì thì còn phải biết rõ tại sao phải nói như vậy [2]. Yếu tố chi phối tính phù hợp hay không phù hợp của từng lời chào trong mỗi tình huống tiếp xúc cụ thể đó, chính là những nét đặc trưng về văn hóa chào hỏi của Trung Quốc. Tuy nhiên, cần nói rõ, những nét đặc trưng văn hóa chủ yếu thể hiện trong lời chào của tiếng Hán được đề cập và bàn luận ở đây không có nghĩa là chỉ có thể tìm thấy trong văn hóa Trung Quốc, càng không có nghĩa là chỉ có người Trung Quốc mới có những quan niệm giá trị hay tài sản văn hóa tinh thần như vậy. Bởi vì văn hóa ngoài tính dân tộc còn có tính khu vực. Với người phương Đông nói chung và người Việt Nam nói riêng, khi tiếp xúc với văn hoá và ngôn ngữ chào hỏi của tiếng Hán chắc chắn sẽ có cảm giác dường như đang gặp lại đâu đó “bóng dáng” phảng phất của truyền thống văn hóa dân tộc mình. Đó là thực tế hiển nhiên một cách khách quan.



2.2. Một số đặc trưng văn hóa cơ bản của lời chào trong tiếng Hán

2.2.1 Xưng hô trong lời chào - nét khúc xạ phản ánh văn hóa Nho giáo và quan niệm giá trị của dân tộc Trung Hoa

Ai cũng biết, xưng hô luôn luôn là tâm điểm chú ý đầu tiên trong giao tiếp ngôn ngữ, mà tác nhân "mở màn" của mọi cuộc tiếp xúc là lời chào, trong đó rất ít khi thiếu vắng từ ngữ xưng hô. Vì vậy mà xưng hô trở nên có vị trí "tâm điểm của tâm điểm" trong mọi cảnh huống tiếp xúc ngôn ngữ, và lời chào của tiếng Hán cũng không phải là ngoại lệ [3].

Văn hóa Trung Hoa chịu ảnh hưởng sâu sắc của hình thái kinh tế nông nghiệp và văn hóa làng xã. Một trong những đặc điểm tâm lý văn hoá của người Trung Quốc là luôn nhấn mạnh sự hài hoà trong quan hệ nhân luân, nhấn mạnh tính xã hội của mỗi cá thể con người. Con người Trung Quốc vốn được sinh ra và tắm mình trong tư tưởng “*仁, 礼*” (*nhân - lễ*) của văn hoá Nho gia, dòng chảy chính trong suối nguồn văn hoá truyền thống của dân tộc Trung Hoa. Triết lý ứng xử của văn hoá Nho gia là “*kỷ dục đạt nhi đạt nhân*” (*己欲立而立人, 己欲达而达人* - bản thân mình có những nhu cầu mong muốn được thỏa mãn, hãy suy ra người khác cũng có những nhu cầu cần được thỏa mãn như vậy) [4]. Ai cũng muốn được người khác tôn trọng, vì vậy người ta hiểu rằng cần phải biết tôn trọng và đề cao người khác, trước tiên bắt đầu từ lời chào hỏi thân thiện, từ lời xưng hô lịch thiệp và trang trọng sao cho đúng với danh phận, vị thế của người nói, cho phù hợp, thoả đáng với quan hệ song phương giữa người nói và người nghe. Trong văn hoá giao tiếp và quan niệm giá trị của Trung Hoa, đức khiêm tốn theo kiểu “*卑己而尊人, 贬己尊人*” ; “*自谦尊人*” (*ti kỷ nhi tôn nhân, biếm kỷ tôn nhân; tự khiêm tôn nhân*) hạ thấp mình và đề cao người được coi là một phẩm chất tốt đẹp của con người. Trong lời chào tiếng Hán, nét đặc trưng văn hóa nổi bật thể hiện tập trung nhất ở tập quán xưng hô theo một nguyên tắc lịch sự truyền thống lâu đời

“xưng khiêm hô tôn”: hạ thấp mình, đề cao và tôn xưng đối tượng giao tiếp.

Thời cổ đại, ngoài cách “*khiêm xưng*” kiểu tự gọi tên tục của mình ra, người Trung Quốc có khá nhiều từ ngữ khiêm xưng ở ngôi thứ nhất như “*bỉ nhân*” (鄙人), “*ngu đệ*” (愚弟), “*tiểu đệ*” (小弟)... [4,5], trong đó từ thường dùng nhất là “*bỉ nhân*” (鄙人), nghĩa là kẻ quê mùa, thô lậu nơi điền dã, hàm nghĩa chỉ người ít học, hèn kém. Xưa kia, những người có danh phận cao sang thường sống ở nơi đô hội, chỉ có những người ít chữ nghĩa, những kẻ “*phàm phu tục tử*” không có địa vị xã hội mới sống ở nơi thôn dã với đồng ruộng. Vào cuối thời Chiến quốc và quãng giao thời giữa hai triều đại Tần - Hán, trong ngôn ngữ tự xưng ở ngôi thứ nhất, thường dân Trung Quốc phổ biến tự xưng là “*thân, bộc*”, (đàn ông) và “*thiếp*” (đàn bà), các từ chỉ lớp người có thân phận hèn kém nhất trong xã hội, người quả phụ tự xưng là “*vị vong nhân*” (kẻ sống thừa, sống dở). Ngay cả các tầng lớp có địa vị và danh phận cao sang trong xã hội, các bậc quân vương chư hầu cũng không ngoại lệ với tập quán khiêm xưng. Đó là “*quả nhân*”, (寡人: kẻ khiếm khuyết) ; “*bất cốc*” (不谷: kẻ không hoàn thiện)[6].

Trong tiếng Hán hiện đại, lời chào hỏi thường được mở đầu bằng từ ngữ xưng hô chỉ chức danh, nghề nghiệp, nhất là khi chào hỏi trong giao tiếp công vụ, như hiệu trưởng Vương (王校长), chủ nhiệm Trương (张主任), bác sĩ Lý (李大夫), thầy giáo Triệu (赵老师)... Tập quán này phản ánh quan niệm đẳng cấp của người Trung Quốc xưa và quan niệm giá trị của người Trung Quốc hiện đại, chuộng cách xưng hô với địa vị giá trị cao. Trong con mắt của người Trung Quốc, chức nghiệp phản ánh địa vị xã hội và sự thành đạt cũng như thời vận của mỗi con người trong cuộc sống [3]. Xưng hô trong chào hỏi bằng từ chỉ chức danh, nghề nghiệp là cách biểu thị sự tôn vinh giá trị của đối tượng giao tiếp, là đặc trưng của văn hóa giao tiếp “*biếm kỷ tôn nhân*” (*hạ thấp mình, đề cao người*) mang đậm bản sắc Trung

Với tập quán xưng hô của người Vi



học Việt Nam ngoài việc cần làm quen và lý giải cách xưng hô chào hỏi theo chức danh, nghề nghiệp nêu trên còn cần phải biết tập quán xưng hô theo kiểu “thăng cấp” của người Trung Quốc hiện đại. Đó là cách gọi chức danh cấp phó thành *trưởng* khi tiếp xúc trực tiếp (ví dụ: khi chào hỏi trực tiếp phải gọi phó hiệu trưởng họ Trần là hiệu trưởng Trần, phó trưởng phòng họ Cao phải được gọi là trưởng phòng Cao...)

Trong lời chào, xưng hô thể hiện rõ tình cảm, thái độ và cả ý đồ giao tiếp của chủ thể giao tiếp [8]. Do vậy, có những lúc các bên tham gia giao tiếp trở nên lúng túng hoặc khó xử khi chào hỏi, thường là vì vấp phải khó khăn không biết xưng hô thế nào cho khỏi thất lễ. Trích đoạn truyện ngắn “Cố hương” của Lỗ Tấn sau đây là một ví dụ.

Dưới ngòi bút miêu tả tình tế của tác giả, cuộc tái ngộ sau nhiều năm xa cách giữa hai người bạn thân thiết thuở thiếu thời (vốn quen gọi nhau bằng *Nhuận Thổ* - *anh Tấn*) bỗng trở nên khách khí, xa lạ vì vị thế mỗi người đã đổi thay cùng với lối xưng hô đầy vẻ cách ngăn của lễ tiết:

...Lúc bấy giờ tôi mừng rỡ vô cùng nhưng chưa biết nói thế nào cho phải, đành chỉ hỏi:

- À, anh Nhuận Thổ, anh đã đến đấy à? ...

Nhuận Thổ đứng dừng lại, nét mặt vừa hớn hờ vừa thê lương, môi mấp máy, nhưng cũng không nói ra tiếng. Rồi bỗng anh lấy một dáng điệu cung kính, chào rất rành mạch:

- Bẩm ông!

Tôi như điếng người đi. Thôi đứng rồi! Giữa chúng tôi đã có một bức tường khá dày ngăn cách. Thật là bi đát...

Anh ta ngoảnh đầu lại gọi:

- Thủy Sinh, con không lạy ông đi kìa!...

(*Cố hương* - “Truyện ngắn Lỗ Tấn”, Trương Chính dịch, NXB Văn học, 1998, trang 102)

Ở đoạn thoại trên, Lỗ Tấn diễn tả tình cảm giữa “tôi” và Nhuận Thổ dường như vẫn còn nguyên trong ký ức về tuổi thiếu thời (“tôi mừng rỡ vô cùng”, còn Nhuận Thổ “nét mặt

vừa hớn hờ vừa thê lương”), chỉ có thân phận đã đổi khác khiến cho cả hai đều phải lúng túng khi giáp mặt và chào hỏi nhau. Vốn chỉ quen gọi là Nhuận Thổ, nay “tôi” chuyển sang gọi “*anh Nhuận Thổ*” (闰土哥); vốn quen gọi “tôi” là “*anh Tấn*” (迅哥), nay Nhuận Thổ bỗng chuyển xưng hô gọi “tôi” là “*ông lớn*” (老爷 *lão da*).

2.2.2. Chào bằng câu hỏi - nét đặc thù trong ngôn ngữ chào hỏi tiếng Hán

Một thực tế giao tiếp sống động cho thấy, xưa nay đại bộ phận lời chào của tiếng Hán có nội dung thăm hỏi; và, vì thế tuyệt đại bộ phận lời chào được sử dụng dưới hình thức câu hỏi. (Rất có thể, đây cũng là một nguyên do xuất hiện của từ “问候” *vấn hâu*: chào hỏi, thăm hỏi trong tiếng Hán). Nét đặc trưng “chào - hỏi” này có cội nguồn văn hóa, lịch sử xã hội sâu xa, bởi bối cảnh lịch sử và xã hội của một dân tộc là vườn ươm của ngôn ngữ chào hỏi mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc ấy. Chẳng hạn, những ai quan tâm đến lĩnh vực nghiên cứu về ngôn ngữ chào hỏi của tiếng Hán đều biết, có một câu chào của miệng “*吃了没?*” (*Đã ăn chưa?*), mà cho đến hôm nay - khi mà xã hội và toàn dân Trung Quốc đã vượt xa mục tiêu phấn đấu cho một cuộc sống “*cơm no áo ấm*”, phần đông dân chúng đã và đang có cuộc sống sung túc “*ăn ngon mặc đẹp*” thì không ít học giả Trung Quốc vẫn đang bàn về nguồn gốc của câu chào này, vì nó liên quan đến đặc trưng văn hóa chào hỏi của một dân tộc. Cũng như vậy, không phải ngẫu nhiên mà trong tiếng Hán hiện đại vẫn thông dụng câu chào “*你身体好吗?*” (*Anh/chị có khỏe không?*). Thoạt nghe thì câu chào này có vẻ mang tính phổ quát, vì trong nhiều ngôn ngữ khác hầu như đều có câu chào này, nhưng đi sâu vào cội nguồn xa xưa của nó sẽ thấy, tất cả đều có lai lịch và nguyên do lịch sử bắt nguồn từ thực tế đời sống xã hội ngàn xưa của dân tộc Trung Hoa.

Thiết tưởng, bằng việc đi sâu tìm hiểu nguồn gốc văn hóa của hai lời chào thông dụng tiêu biểu này, có thể lý giải sâu sắc hơn đặc trưng văn hóa và hàm ý sâu xa của tiếng Hán.



2.3. Nguồn gốc lịch sử và ý nghĩa văn hóa của hai câu chào “Anh/chị có khỏe không?” , “Đã ăn chưa?”

2.3.1. Vì sao “吃了吗?” (Đã ăn chưa?) lại trở thành câu chào cửa miệng của người Trung Quốc?

Theo nhiều học giả Trung quốc thì câu chào này ra đời với hai lí do liên quan đến lịch sử xã hội và văn hóa của dân tộc Trung Hoa. Cách lí giải thứ nhất cho rằng: là một nước đất rộng người đông, Trung Quốc từ xa xưa cho đến trước thời kỳ mở cửa và cải cách kinh tế ở thập kỷ 70 của thế kỷ XX chủ yếu là một nước kinh tế nông nghiệp với tập quán canh tác lạc hậu, năng suất lao động thấp. Do vậy, vấn đề ăn no mặc ấm luôn là một thách thức lớn với con người trên đất nước này. Bách tính Trung Hoa từ ngàn xưa luôn luôn phải bươn chải vật lộn với cuộc sống đói nghèo, vì thế trong khi các bậc đế vương Trung Hoa tuân thủ triết lý “*dĩ dân vi thiên - coi dân là trời*”(以民为天), thì triết lý sống của dân là “*dĩ thực vi thiên - coi cái ăn là trời*”(以食为天). Khổng Tử cũng từng nói: “*食, 色, 性也*” (thực, sắc, tính dã: thực dục và tính dục, đó là bản năng vậy - “Luận ngữ”). Bản năng “ăn” đã được cổ nhân Trung Quốc đặt lên trước bản năng tính dục trong cuộc sống của con người theo một quan niệm hết sức duy vật, bởi vì không ăn thì không thể tồn tại được [9]. Trong khoảng thời gian mấy chục năm sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời, vấn đề no ấm cho toàn dân vẫn chưa hoàn toàn giải quyết được, cuộc sống vật chất vẫn thiếu thốn trầm bệ, vì vậy “ăn” vẫn là mối quan tâm hàng đầu của mọi người trong cuộc sống xã hội. Và “吃了吗?” (Đã ăn chưa?) mặc nhiên trở thành lời chào thể hiện sự quan tâm đến cuộc sống của nhau giữa mọi người, mang ý nghĩa xã hội và ý nghĩa nhân văn sâu sắc.

- Từ một góc nhìn khác về văn hóa giao tiếp của dân tộc Trung Hoa, một số học giả phân tích: Trung Quốc là một đất nước có truyền thống văn hóa ẩm thực lâu đời và phong phú. “Ăn” cùng với sự thể hiện thịnh tình của chủ với khách và

những câu chuyện tình cảm, chuyện làm ăn xung quanh bàn ăn cũng là một đặc trưng của văn hoá ẩm thực, đồng thời cũng là một phương thức giao tiếp quan trọng trong văn hóa giao tiếp của người Trung Quốc. Từ ngàn xưa, từ buổi bình minh của văn hóa nhân văn trên đất nước này, trong Chu lễ (周礼) đã biết đến “*以饮食之吉礼亲宗族兄弟, 以飧燕之礼亲四方宾客...*”(dĩ ẩm thực chi cát lễ thân tông tộc huynh đệ, dĩ hưởng yến chi lễ thân tứ phương tân khách...: biện lễ mâm cao cỗ đầy để thù tiếp anh em trong gia tộc, đãi đằng yến tiệc để kết thân bầu bạn khách khứa bốn phương). Trong một xã hội coi trọng “chủ nghĩa tông pháp” với quan niệm sâu sắc về “*tứ hải chi nội giai huynh đệ*” (khắp nơi bốn bề đều là anh em) như xã hội Trung Quốc, quan hệ tông tộc, quan hệ thân duyên hết sức quan trọng. Giữa con người với người, dù không cùng huyết thống cũng cần phải gắn kết với nhau bằng các mối lương duyên [9]. Chính vì vậy, người Trung Quốc coi trọng và rất chuộng thú vui biện cỗ bàn thịnh soạn đãi đằng anh em, bè bạn, vì ở đó có tình thân, ở đó “*tửu phùng tri kỷ thiên bôi thiếu*” (uống rượu gặp bạn tri kỷ ngàn chén không đủ), tất cả những cái đó là nhân duyên, là nhu cầu tình cảm không thể thiếu trong cuộc sống tình thân của con người. Văn hóa ẩm thực đã đi vào tình cảm của người Trung Quốc như thế. Và, vì lẽ đó, lời chào “Đã ăn chưa?” mang ý nghĩa biểu đạt tình cảm gắn bó, gần gũi, thể hiện mối quan tâm lẫn nhau của người Trung Quốc xưa nay.

- Về giá trị sử dụng, ngữ nghĩa của câu hỏi này khi được dùng làm lời chào đã “hư hoá” đi nhiều, nhường chỗ cho ý nghĩa ngữ dụng thể hiện tính chân tình và sự quan tâm của chủ thể giao tiếp đối với đối tượng giao tiếp, “hỏi để mà hỏi” hỏi chỉ để chào, không quan tâm và cũng không nhất thiết cần biết rõ câu trả lời của đối tượng giao tiếp [7]. Cho đến nay, khi cuộc sống kinh tế chung của xã hội đã khá giả lên rất nhiều, mối lo toan để có bữa ăn no trong mỗi gia đình đã lùi dần vào dĩ vãng, khi mối quan tâm chung chuyển sang ăn sao cho ngon cho khoa học và đủ dinh dưỡng; và trong

khẩn trương hồi hã của con người hi



nghĩa văn hóa và nhân văn của câu hỏi “*Đã ăn chưa?*” cũng dần dần mờ nhạt, vì nó không còn phù hợp với hoàn cảnh thực tế và cách sống của con người nữa. Hiện tại, trong quan hệ giao tiếp xã hội (có khi bao gồm cả trong gia đình), tần suất sử dụng cao nhất trong các lời chào không còn là câu hỏi “*Đã ăn chưa?*” nữa mà là chào hỏi về công việc - về sự bận rộn hàng ngày. Ví dụ: 你忙吧 (*Anh/chị bận phải không?*)/ 你近来忙吧? 忙得都见不到你了。 (*Dạo này anh/chị bận hả? Đến nỗi chẳng gặp nổi anh/chị nữa rồi.*) 老板, 你好! 你现在忙什么呀? (*Chào sếp! Sếp đang bận gì đấy ạ?*). [10] Ngay cả trong quan hệ gia đình cũng không ngoại lệ. Bắt đầu một ngày mới, câu chào đầu tiên trong ngày giữa cha mẹ, con cái, vợ chồng, anh em trong nhà rất có thể là “*Hôm nay bố/mẹ bận gì không?*” hay “*Con bận gì mà dậy sớm thế?*” v.v... Khi cuộc sống xã hội biến đổi, con người sẽ dần dần từ bỏ những thói quen cũ không phù hợp và chấp nhận những thói quen mới, miễn là phù hợp và đem lại tiện ích cho cuộc sống của mình. Cùng với sự giao lưu văn hóa giữa các dân tộc, trong tiếng Hán hiện đại dần dần xuất hiện các kiểu lời chào mang sắc thái của văn hóa phương Tây, như: 早! (*Chào buổi sáng!*); 晚安! (*Chúc ngủ ngon*); 拜拜! (*Bye bye!*).

2.3.2. Lời chào “*你身体好吗?*” (*Anh/chị có khỏe không?*) bắt nguồn từ đâu?

Với nhiều người phương Tây học tiếng Hán, câu chào “*你身体好吗?*” thoát tiên hơi khó lí giải. Người ta cho rằng, việc chào hỏi không nhất thiết phải cụ thể và bộc trực đến như vậy, tình trạng sức khỏe ra sao là chuyện riêng của mỗi người, không tiện và không cần thiết phải giải bày với người khác. Song, ít người nước ngoài biết đề mà hứng thú được với việc ngược dòng lịch sử của Trung Quốc để đến với nguồn gốc và diễn biến lịch sử của lời chào này.

Từ thời thượng cổ xa xưa, trước khi có văn tự ghi chép trong lịch sử Trung Quốc, con người đã có ngôn ngữ giao tiếp và khi gặp mặt, người ta thường hỏi thăm nhau bằng câu “*无它乎?*” (*vô tha hồ? - Không có nó chứ?*)

hay một câu tương tự “*无恙乎?*” (*vô dạng hồ? - Không có trùng cắn chứ?*). Câu hỏi “*Vô tha hồ?*” được coi là lời chào cổ nhất và xuất hiện sớm nhất của người Trung Quốc. Nguồn gốc của lời chào hỏi này xuất phát từ cuộc sống thực tế của con người Trung Quốc thời xưa. Đó là, thuở sơ khai của loài người, con người còn chưa biết dựng nhà cửa, chỉ biết sống trong các hang động tự nhiên hoặc các hang động tự tạo để trú thân. Trong điều kiện sống hoang dã ấy, một số loài vật là bò sát độc hại như rắn rết đã trở thành mối nguy hại đe dọa cuộc sống và sinh mạng của con người. Không ít người đã bỏ mạng vì bị rắn độc cắn trong giấc ngủ say. Nỗi khiếp sợ vì tai họa ấy của con người chuyển thành mối quan tâm đến sự an toàn của sinh mệnh, người ta mong cuộc sống của mình sẽ luôn luôn bình yên “*vô tha*” (*无它 - không có nó*). “*Nó*” ở đây chỉ rắn (trên một số đồ đồng cổ được khai quật ở Trung Quốc, chữ “*它*” (nó) được khắc với hình dáng ngoằn ngoèo hình con rắn) [10].

Chữ “*恙*” (*dạng*) trong “*vô dạng hồ*”, ban đầu được chú thích trong thư tịch cổ Trung Quốc là một loài bò sát độc (噬虫 *phệ trùng*) cắn người, rất ưa hút máu người. Bị loài “*dạng*” này cắn thì con người sẽ bị rối loạn cảm giác thân nhiệt, bị sưng loét da, tức ngực khó thở, triệu chứng nặng có thể chết [10]. Với con người thuở đó, “*dạng*” đồng nghĩa với tai họa, vì vậy nghĩa của từ này được mở rộng dần thêm với các nghĩa mới: hoạn nạn, tai ương, tật bệnh... “*无恙*” (*vô dạng*) về sau được hiểu là “*không có tai ương/bình yên*”. Vì vậy, “*无恙*” (*vô dạng*) trở thành ước mong rất đổi bình thường của con người cho cuộc sống của mình và đồng loại. Khi đời sống kinh tế xã hội phát triển tiến bộ hơn, con người có được nhà cửa để ở thì nguy cơ đe dọa tính mạng từ rắn rết không còn nghiêm trọng như trước đó nữa, nhưng thiên tai và thú dữ vẫn là nỗi lo sợ và là hiểm họa đối với con người. Trong cuộc sống người ta luôn cầu mong được “*安然无恙*” (*an nhiên vô dạng: bình an vô sự*). Và, cũng như “*Vô tha hồ?*”, “*Vô dạng hồ?*” trở thành câu chào thăm hỏi với hàm ý “*Vẫn bình yên chứ*



Từ đó có thể thấy rằng, trong văn hóa dân tộc truyền thống của Trung Quốc, quan tâm đến sự bình yên cuộc sống cũng như sức khỏe của đồng loại là tình cảm sâu sắc vốn có và đã trở thành tập quán từ ngàn xưa, thể hiện quan hệ hài hòa tương thân tương ái của con người trên đất nước này. Ngày nay, thay vì dùng câu hỏi “无它乎?” (*Vô tha hồ?*), “无恙乎?” (*Vô dạng hồ?*) làm lời chào khi gặp mặt, người ta hỏi thăm nhau “你身体好吗?” (*Anh/chị có khỏe không?*).

3. Văn hóa Việt Nam và việc tiếp thu văn hóa chào - hỏi Trung Hoa

3.1. “Khoảng giao thoa” trong văn hóa chào - hỏi Trung - Việt

Với người Việt Nam học tiếng Hán, kiểu chào bằng các câu hỏi dạng như “*Ăn cơm chưa?*”; “*Có khỏe không?*”; “*Đi đâu đấy?*”... là một phương thức giao tiếp khá quen thuộc, chắc chắn không gây nên hiện tượng “sốc văn hóa” và cũng chính là “khoảng giao thoa” đậm nét nhất trong giao tiếp xuyên văn hóa Việt - Trung. Với “phông văn hóa” Việt Nam, con người Việt Nam từ khi chào đời đã được nuôi dưỡng bằng tình cảm và ý thức cộng đồng dân tộc sâu sắc. Với tập quán sinh sống quần cư từ ngàn xưa, người Việt Nam quen sống theo phong cách hoà đồng “*Bán anh em xa, mua láng giềng gần*”, “*Láng giềng tối lửa tắt đèn có nhau*”. Văn hóa làng xã Việt Nam qua ngàn đời đã tạo nên cuộc sống tình cảm chan hòa, gắn bó của người Việt cả trong gia đình và ngoài xã hội.

Với cả hai dân tộc Việt - Hán, đạo lý về tình cảm nhân ái và lễ nghĩa đã thấm sâu vào tiềm thức con người. Mỗi con người đều là tổng hoà các quan hệ gia đình và xã hội, quan tâm và thấu hiểu người khác là biểu hiện của đạo đức, biểu hiện của “*lễ*” và “*nghĩa*”, tuyệt nhiên không phải là sự hiếu kỳ, dò xét hoặc xâm phạm đời sống riêng tư của người khác. Do vậy, tuy trong tiếng Việt không có các câu chào kiểu “*vô tha hồ?*”/“*vô dạng hồ?*”, nhưng các kiểu lời chào như: *Bác xơi cơm chưa ạ?* (tất nhiên cần sử dụng đúng lúc, đúng chỗ)/*Dạo này*

cụ vẫn khỏe chứ ạ?/Hai bác được mấy cháu tât cả?/Cháu lớn nhà bác đi làm thế nào? lương bổng có khá không?... và thói quen chào bằng các câu hỏi, chào đề hỏi và hỏi thay cho lời chào trong tiếng Việt, cũng là lắng kính khúc xạ, phản ánh đặc trưng văn hóa chào hỏi của Việt Nam. Đó chính là nét tương đồng lớn khá nổi bật trong ngôn ngữ và văn hóa chào hỏi giữa Việt Nam và Trung Quốc.

3.2. Nét tương đồng và khác biệt về xưng hô trong lời chào tiếng Hán và tiếng Việt

Với “phông văn hóa” Việt Nam, tất cả người học Việt Nam đều có thể thấy rõ và không thể không thừa nhận, tập quán “xưng khiêm hô tôn” nêu trên trong ngôn ngữ chào hỏi của tiếng Hán cũng chính là nét tương đồng nổi bật nhất trong văn hóa giao tiếp giữa hai dân tộc Việt Nam và Trung Hoa. Cái đáng tìm hiểu ở đây là cách thể hiện khác nhau của tập quán ấy trong hai ngôn ngữ Việt - Hán, nhằm giúp người học Việt Nam nắm bắt được “phần hồn” tiếng Hán, nhập tâm hơn và tinh tế hơn trong khi sử dụng ngôn ngữ này.

Trong tiếng Việt, sự có mặt của từ xưng hô cũng luôn là yếu tố không thể thiếu và có tác dụng làm tăng mức độ trang trọng và sắc thái tình cảm của lời chào. Và cách thức xưng hô của người Việt thì muôn hình vạn trạng với rất nhiều sắc thái tình cảm khác nhau [11]. Vì vậy, lời chào mang ý nghĩa “trung tính” không có từ xưng hô kiểu “*Xin chào!*” có vẻ là một “giải pháp” tốt cho việc học cách chào bằng tiếng Việt của người nước ngoài mới học tiếng Việt, nhưng giá trị sử dụng của lời chào này thì hết sức hạn chế, và trong đa số cảnh huống tiếp xúc không chấp nhận được theo chuẩn mực chào hỏi của người Việt. Trong các lời chào sau đây, mức độ trang trọng và sắc thái tình cảm tăng dần do sự khác nhau trong sử dụng từ xưng hô:

- *Xin chào!*

- *Xin chào cả nhà!*

- *Xin chào các cụ, các ông các bà các bác và các anh, các chị ạ!*



- *Cháu chào ông bà, con chào bố mẹ ạ!* [12] ④

Với câu chào kiểu ③ thì xưng hô trong lời chào tiếng Việt tỏ ra phức tạp hơn tiếng Hán rất nhiều. Ở tình huống chào đông người một cách trang trọng, tiếng Hán có thể dùng từ xưng hô số nhiều “大家好!” (Xin chào mọi người!). Còn trong tiếng Việt, câu chào kiểu nêu trên, hay kể cả “Xin chào mọi người!” cũng chưa được coi là hợp chuẩn mực trong cảnh huống giao tiếp chính thức, mà nhất thiết phải chào như kiểu ③, có khi cần thêm cả kính ngữ “Xin kính chào...”. Ngay cả trong việc dùng từ xưng hô tiếng Việt khi chào số đông, cần chú ý vai lứa hoặc tuổi tác của đối tượng giao tiếp theo trật tự từ cao đến thấp (kiểu câu ③ và ④): phải chào từ các bậc *cụ*, *đền ông bà*, *đến chú bác*, và *anh chị*. Trật tự này tuy “bất thành văn”, nhưng hầu như không bao giờ có thể xáo trộn trong giao tiếp tiếng Việt.

Lịch sử văn hoá phương Đông từng ghi lại dấu ấn của một “không gian văn hoá Hán”. Đặc trưng văn hoá “*xưng khiêm hô tôn*” trong văn hóa giao tiếp Trung Hoa nói trên có thể cảm nhận được không kém phần đậm màu và rõ nét trong các ngôn ngữ phương Đông khác ngoài tiếng Hán, như: tiếng Nhật, tiếng Hàn và tiếng Việt:

Ví dụ:

Quý chấp tay, đáp:

- *Dạ, lay cụ lớn ngàn năm, con tên là Hoàng Quý lên hầu...*

... *Cụ lớn lại tươi nét mặt, ôn tồn truyền:*

- *Vì sự ấy nên hôm nay tôi định gọi anh vào để em nó được tạ quá cùng anh.*

- *Lay cụ lớn ngàn năm, hàn sĩ này thực là có tội với công tử lắm. Nhưng vì con là học trò, không thuộc chỗ công môn... thực là đại tội, xin cụ lớn thương cho.*

- *Không, ta không chấp. Ta còn muốn nhờ anh một việc to tát...*

- *Lay cụ lớn, tiện sĩ tài hèn đức yếu, biết có làm được không.*

- *Anh không nói thì cái tài anh, đức anh, ta đã biết cả rồi, con ta nười phần không đạu được một.*

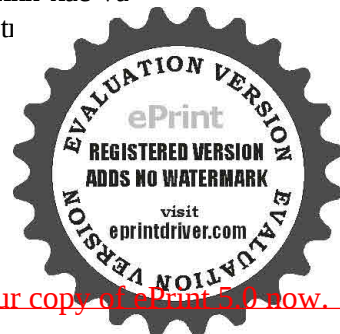
- *Lay cụ lớn, ngài dạy quá lời, con nhiều khi được trộm xem văn của công tử, thì tài con thực đại bất cập.*

(*Sóng vũ môn* - “Tuyển tập Nguyễn Công Hoan” tập I, NXB Văn học 1983, trang 66,67)

Tóm lại, phong cách giao tiếp lịch thiệp với lời xưng hô khiêm nhường mang đậm bản sắc văn hóa phương Đông trong hai thứ tiếng Hán - Việt luôn hàm chứa một vẻ đẹp kín đáo, thâm trầm và vô cùng giàu sức biểu cảm. Tất cả các yếu tố đó luôn được kết hợp hài hoà và rất tự nhiên trong ngôn ngữ giao tiếp nói chung và trong ngôn ngữ chào hỏi nói riêng, tạo nên nét đặc thù văn hoá dung dị, trang nhã, giàu bản sắc dân tộc, thể hiện sinh động tình cảm, phong cách ứng xử tinh tế của hai dân tộc Trung Hoa - Việt Nam.

4. Thay cho kết luận

Trong giao tiếp ngôn ngữ xuyên văn hóa, lời chào có thể coi là “sứ giả” của giao lưu văn hóa vì bản thân nó phản ánh những nét đặc trưng văn hóa dân tộc, tác động trực tiếp đến cảm quan và nhận thức của đối tượng giao tiếp. Nói một cách hình ảnh, lời chào trong mỗi một ngôn ngữ như món ăn “khai vị” hấp dẫn, chào mời và lôi cuốn “thực khách” tiếp tục thưởng thức và khám phá hương vị ngọt ngào và độc đáo của từng món ăn tinh thần - nét tinh túy và thể giới tâm hồn trong nền văn hóa truyền thống của mỗi dân tộc. Việc đi sâu tìm hiểu nguồn gốc lịch sử, nội hàm văn hóa của ngôn ngữ của một dân tộc khác luôn có ý nghĩa rất quan trọng, góp phần làm mờ những yếu tố “xung đột” trong giao tiếp xuyên văn hóa, giúp cho người học ngoại ngữ có thể biểu đạt được ngôn ngữ đang học một cách chính xác và biểu cảm, chẳng hạn hiểu rõ vì sao các câu chào “你身体好吗?” (Ông/bà có khỏe không?)/ “吃了吗?” (Đã ăn chưa?) có tần số sử dụng cao trong giao tiếp chào hỏi truyền thống của tiếng Hán; hay biết cách xưng hô chính xác và sử dụng kính ngữ đúng chỗ đúng lúc từ ngữ chào hỏi là những ví dụ thực tế.



Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Văn Khang, *Xuyên văn hoá với giảng dạy ngoại ngữ*, Kỷ yếu Hội thảo “Thành tố văn hoá trong dạy học ngoại ngữ”, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam và Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007.
- [2] 胡文仲主编, 《文化与交际》, 外语教学与研究出版社, 1999. (Hồ Văn Trọng (Hu Wenzhong), *Văn hóa và giao tiếp*, NXB Nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ, 1999.
- [3] Phạm Ngọc Hàm, *Đặc điểm và cách sử dụng của lớp từ ngữ xưng hô tiếng Hán trong sự so sánh với tiếng Việt*, Luận án tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.
- [4] 王新婷、金鸣娟、姚晚霞, 《中国传统文化概论》, 中国林业出版社, 2004. (Vương Tân Đình, Kim Minh Quyên, Diêu Văn Hà (Wang Xinting, Jin Mingjuan, Yao Wanxia), *Khái luận về văn hóa truyền thống Trung Quốc*, NXB Lâm nghiệp Trung Quốc, 2004.
- [5] 王海东王欢, 《中英礼貌准则的异同》 大学英语, 学术版(2005)155. (Vương Hải Đông, Vương Hoan (Wang Haidong Wang Huan), Sự giống và khác nhau về chuẩn mực lịch sự Trung - Anh, *Tạp chí Anh ngữ đại học*, Tổng tập học thuật (2005) 155.
- [6] 唐得阳主编, 《中国文化的源流》, 山东人民出版社, 1995. Đường Đức Dương chủ biên (Tang Deyang), *Cội nguồn văn hóa Trung Quốc*, NXB Nhân dân Sơn Đông, 1995.
- [7] 吴红军, 《英汉招呼语中的称谓词比较》, 和田师范专科学校学报, No.4(2005) 123. (Ngô Hồng Quân (Wu Hongjun), So sánh từ xưng gọi trong hô ngữ Anh - Trung, *Báo Học thuật*, Trường Sư phạm chuyên nghiệp Hòa Lâm, số 4 (2005) 123.
- [8] Phạm Văn Tình, *Định hướng giao tiếp của các phát ngôn chào hỏi trong tiếng Việt*, Kỷ yếu Hội thảo “Thành tố văn hoá trong dạy học ngoại ngữ”, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam và Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000.
- [9] 章礼霞, 《中国问候语“你吃了吗?” 的文化折射》 合肥工业大学学报, No.3 (2004) 141. (Trương Lễ Hà (Zhang Lixia), Nét khúc xạ văn hóa của lời chào tiếng Trung Quốc “Anh/chị đã ăn chưa?”, *Báo Học thuật*, Trường Đại học Công nghiệp Hợp Phi số 3 (2004) 141.
- [10] 陈秋娜, 《汉语寒暄语的语用阐释》 柳州职业技术学院学报, No.1 (2005)61. (Trần Thu Na (Chen Qiuna), Giải thích về ngữ dụng của từ ngữ hàn huyên trong tiếng Hán, *Báo Học thuật*, Học viện Kỹ thuật nghề nghiệp Liễu Châu số 1 (2005) 61.
- [11] Phan Hồng Liên, Vài nhận xét về “xưng” và “hô” trong tiếng Việt từ góc độ văn hóa, *Kỷ yếu Hội thảo “Thành tố văn hoá trong dạy học ngoại ngữ”*, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam và Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000.
- [12] Phạm Thị Thành, Nghi thức lời nói tiếng Việt hiện đại qua các phát ngôn: chào, cảm ơn, xin lỗi, Luận án Ngữ văn, H., 1995.

Learning Chinese through explanation of the most common greetings in terms of culture

Pho Thi Mai

*Language Education and Quality assurance Research centre, College of Foreign Languages,
Vietnam National University, Hanoi, Pham Van Dong Street, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Learning a foreign language is a progress of absorbing a second language based on the foundation of mother tongue, cultural origin and psychological features as well as the outlook on life and national concepts of values on the part of the learners. While a way of new language thinking if formed, knowledge and the way of native language thinking plays an important role requiring learners to have a thorough understanding so as to use a foreign language as a tool of communication naturally and easily.



From the early days of history, greetings in old Chinese have been very popular. This writing focuses on the following aspects:

- Cultural features and confucian concepts in language and Chinese greetings.
- Origin of history and cultural thinking of Chinese people reflected in the most two forms of greetings.
- Comparison between Vietnamese and Chinese culture and the use of Chinese greetings by the Vietnamese people.

Key words: Greetings, cultural features, cultures of greetings, cross culture.

